

Số 1723/QĐ-SYT

Lai Châu, ngày 01 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh
áp dụng tại Phòng khám đa khoa Phúc Thịnh, tỉnh Lai Châu**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật khám bệnh chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 18/2008/QĐ - UBND ngày 10/9/2008 của UBND tỉnh Lai Châu về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Y tế Lai Châu;

Căn cứ văn bản dự kiến thực hiện danh mục kỹ thuật tại Phòng khám đa khoa Phúc Thịnh, tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Phòng khám đa khoa Phúc Thịnh.

Phòng khám đa khoa Phúc Thịnh được phép thực hiện: 964 danh mục kỹ thuật.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao Trưởng Phòng khám đa khoa Phúc Thịnh chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những danh mục kỹ thuật được phê duyệt triển khai tại Phòng khám. Danh mục kỹ thuật được phê duyệt là cơ sở để BHYT thanh toán và chuyển tuyến chuyên môn, kỹ thuật.

Giao Phòng Nghiệp vụ Y làm đầu mối phối hợp với Thanh tra Sở Y tế và các phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa Phúc Thịnh, tỉnh Lai Châu.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các ông (bà):
Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Trưởng Phòng khám đa khoa Phúc Thịnh,
thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

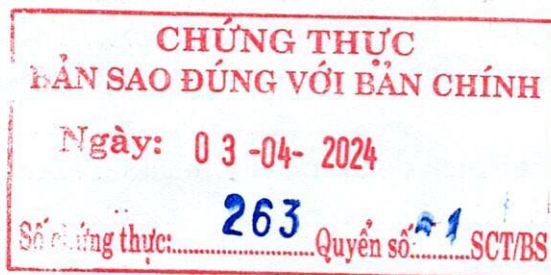
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Tiến Thành



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Danh Minh

DANH MỤC KỸ THUẬT PHÒNG KHÁM ĐA KHOA PHÚC THỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1433/QĐ-SYT ngày 01 tháng 12 năm 2015)

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x
2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x
3	Làm test phục hồi máu mao mạch	x
4	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x
5	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x
6	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x
7	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x
8	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x
9	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x
10	Thở oxy qua gọng kính (£ 8 giờ)	x
11	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)	x
12	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ)	x
13	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ)	x
14	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (£ 8 giờ)	x
15	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x
16	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x
17	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x
18	Mở khí quản cấp cứu	x
19	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	x
20	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x
21	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x
22	Rút ống nội khí quản	x
23	Rút canuyn khí quản	x
24	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x
25	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	x
26	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x
27	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	x
28	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x
29	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x
30	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x
31	Thông bàng quang	x
32	Rửa bàng quang lấy máu cục	x
33	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x
34	Đặt ống thông dạ dày	x
35	Rửa dạ dày cấp cứu	x
36	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x
37	Thụt tháo	x
38	Thụt giữ	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
39	Đặt ống thông hậu môn	x
40	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x
41	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x
42	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x
43	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x
44	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x
45	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	x
46	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x
47	Hạ thân nhiệt chỉ huy	x
48	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x
49	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x
50	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x
51	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	x
52	Rửa mắt tẩy độc	x
53	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x
54	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x
55	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x
56	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x
57	Tắm cho người bệnh tại giường	x
58	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x
59	Xoa bóp phòng chống loét	x
60	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x
61	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	x
62	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x
63	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	x
64	Băng bó vết thương	x
65	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x
66	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x
67	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x
68	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x
69	Định nhóm máu tại giường	x
70	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x
71	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần	x
72	Phát hiện opiat bằng naloxone	x
73	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x
74	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x
75	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x
76	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x
77	Chọc dò dịch màng phổi	x
78	Chọc tháo dịch màng phổi	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
79	Chọc hút khí màng phổi	x
80	Đo chức năng hô hấp	x
81	Kỹ thuật ho có điều khiển	x
82	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x
83	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x
84	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x
85	Khí dung thuốc giãn phế quản	x
86	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x
87	Thay canuyn mở khí quản	x
88	Vận động trị liệu hô hấp	x
89	Điện tim thường	x
90	Nghiệm pháp atropin	x
91	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x
92	Chọc dò dịch não tủy	x
93	Ghi điện não thường quy	x
94	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x
95	Hút đờm hầu họng	x
96	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x
97	Chăm sóc sonde dẫn lưu bề thận qua da/lần	x
98	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụy dịch- máu quanh thận/lần	x
99	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x
100	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	x
101	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	x
102	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu	x
103	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê	x
104	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi	x
105	Nội soi trực tràng ống mềm	x
106	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	x
107	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	x
108	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	x
109	Siêu âm ổ bụng	x
110	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	x
111	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x
112	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x
113	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x
114	Thụt tháo phân	x
115	Hút dịch khớp gối	x
116	Hút nang bao hoạt dịch	x
117	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x
118	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
119	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	x
120	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	x
121	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	x
122	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện	x
123	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	x
124	Điều trị sần cục bằng đốt điện	x
125	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	x
126	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	x
127	Xử trí trạng thái kích động	x
128	Xử trí trạng thái không ăn	x
129	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	x
130	Cấp cứu tự sát	x
131	Xử trí hạ huyết áp tư thế	x
132	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x
133	Xử trí trạng thái sáng rực	x
134	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu	x
135	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x
136	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x
137	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x
138	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	x
139	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	x
140	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	x
141	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	x
142	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x
143	Các tiêu phẫu ở người bệnh ĐTĐ (kiểm soát đường huyết tốt)	x
144	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	x
145	Mai hoa châm	x
146	Điện châm	x
147	Thủy châm	x
148	Cây chỉ	x
149	Ôn châm	x
150	Cứu	x
151	Chích lễ	x
152	Laser châm	x
153	Từ châm	x
154	Sắc thuốc thang	x
155	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x
156	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
157	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x
158	Điện châm điều trị hội chứng stress	x
159	Điện châm điều trị cảm mạo	x
160	Điện châm điều trị viêm amidan	x
161	Điện châm điều trị trĩ	x
162	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x
163	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em	x
164	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x
165	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x
166	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x
167	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x
168	Điện châm điều trị viêm bàng quang	x
169	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x
170	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x
171	Điện châm điều trị sa tử cung	x
172	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x
173	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x
174	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x
175	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x
176	Điện châm điều trị khàn tiếng	x
177	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x
178	Điện châm điều trị liệt chi trên	x
179	Điện châm điều trị chắp lẹo	x
180	Điện châm điều trị đau hồ mắt	x
181	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x
182	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x
183	Điện châm điều trị lác cơ năng	x
184	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x
185	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x
186	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x
187	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x
188	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x
189	Điện châm điều trị đau răng	x
190	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x
191	Điện châm điều trị ù tai	x
192	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x
193	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x
194	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x
195	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x
196	Điện châm điều trị giảm đau do zona	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
197	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x
198	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	x
199	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	x
200	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x
201	Thủy châm điều trị mất ngủ	x
202	Thủy châm điều trị hội chứng stress	x
203	Thủy châm điều trị nấc	x
204	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	x
205	Thủy châm điều trị viêm amydan	x
206	Thủy châm điều trị béo phì	x
207	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x
208	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	x
209	Thủy châm điều trị sa dạ dày	x
210	Thủy châm điều trị trĩ	x
211	Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	x
212	Thủy châm điều trị mày đay	x
213	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	x
214	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	x
215	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em	x
216	Thủy châm điều trị giảm thính lực	x
217	Thủy châm điều trị liệt trẻ em	x
218	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x
219	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x
220	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ	x
221	Thủy châm điều trị sa tử cung	x
222	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x
223	Thủy châm điều trị thống kinh	x
224	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x
225	Thủy châm điều trị đái dầm	x
226	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x
227	Thủy châm điều trị đau vai gáy	x
228	Thủy châm điều trị hen phế quản	x
229	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	x
230	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x
231	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x
232	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x
233	Thủy châm điều trị thất vận ngôn	x
234	Thủy châm điều trị đau dây V	x
235	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x
236	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
237	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x
238	Thủy châm điều trị khàn tiếng	x
239	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x
240	Thủy châm điều trị liệt chi trên	x
241	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	x
242	Thủy châm điều trị sụp mi	x
243	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x
244	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x
245	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x
246	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang	x
247	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x
248	Thủy châm điều trị đau răng	x
249	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	x
250	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x
251	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x
252	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	x
253	Thủy châm điều trị đau lưng	x
254	Thủy châm điều trị sụp mi	x
255	Thủy châm điều trị đau hố mắt	x
256	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x
257	Thủy châm điều trị lác cơ năng	x
258	Thủy châm điều trị giảm thị lực	x
259	Thủy châm điều trị viêm bàng quang	x
260	Thủy châm điều trị di tinh	x
261	Thủy châm điều trị liệt dương	x
262	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x
263	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	x
264	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x
265	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x
266	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x
267	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x
268	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x
269	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x
270	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x
271	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x
272	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x
273	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	x
274	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x
275	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x
276	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khuru giác	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
277	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	x
278	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x
279	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x
280	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x
281	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	x
282	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	x
283	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x
284	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	x
285	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress	x
286	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x
287	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x
288	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	x
289	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x
290	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi	x
291	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x
292	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng	x
293	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực	x
294	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	x
295	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực	x
296	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	x
297	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản	x
298	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x
299	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	x
300	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	x
301	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x
302	Xoa bóp bấm huyết điều trị nấc	x
303	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	x
304	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hóa khớp	x
305	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	x
306	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	x
307	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	x
308	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic cơ mặt	x
309	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x
310	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa	x
311	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn kinh nguyệt	x
312	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau bụng kinh	x
313	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x
314	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	x
315	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hoá	x
316	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
317	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	x
318	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x
319	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x
320	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x
321	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x
322	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x
323	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	x
324	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x
325	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	x
326	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	x
327	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x
328	Cứu điều trị nấc thể hàn	x
329	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x
330	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	x
331	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x
332	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x
333	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x
334	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x
335	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	x
336	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x
337	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	x
338	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	x
339	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x
340	Cứu điều trị di tinh thể hàn	x
341	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	x
342	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	x
343	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x
344	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	x
345	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	x
346	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	x
347	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x
348	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x
349	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x
350	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x
351	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x
352	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x
353	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn	x
354	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x
355	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x
356	Giác hơi điều trị các chứng đau	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
357	Giác hơi điều trị cảm cúm	x
358	Kỹ thuật cách ly dự phòng	x
359	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng	x
360	Cấp cứu cao huyết áp	x
361	Cấp cứu ngừng thở	x
362	Cấp cứu ngừng tim	x
363	Cấp cứu tụt huyết áp	x
364	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	x
365	Chọc tĩnh mạch cánh ngoài	x
366	Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu	x
367	Đặt nội khí quản qua đèn Airtracq hoặc tương đương	x
368	Đặt nội khí quản qua đèn Glidescope hoặc tương đương	x
369	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x
370	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x
371	Kỹ thuật gây tê thần kinh	x
372	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x
373	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	x
374	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x
375	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	x
376	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	x
377	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	x
378	Rửa tay sát khuẩn	x
379	Theo dõi Hb tại chỗ	x
380	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	x
381	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	x
382	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	x
383	Thở CPAP không qua máy thở	x
384	Thở oxy qua mũi kín	x
385	Truyền dịch thường qui	x
386	Truyền dịch trong sốc	x
387	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	x
388	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	x
389	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	x
390	An thần bệnh nhân phải nắn xương	x
391	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x
392	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x
393	Nong niệu đạo	x
394	Cắt hẹp bao quy đầu	x
395	Mở rộng lỗ sáo	x
396	Nắn, bó bột trật khớp vai	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
397	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x
398	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x
399	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x
400	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x
401	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x
402	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay	x
403	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay	x
404	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay	x
405	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x
406	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	x
407	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x
408	Nắn, bó bột trật khớp háng	x
409	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x
410	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x
411	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x
412	Nắn, bó bột gãy xương chày	x
413	Nắn, bó bột gãy xương gót	x
414	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x
415	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x
416	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x
417	Nắn, cố định trật khớp hàm	x
418	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x
419	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x
420	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
421	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
422	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bỏng sâu	x
423	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	x
424	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông	x
425	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	x
426	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	x
427	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x
428	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
429	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x
430	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
431	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	x
432	Xử lý tại chỗ khi đầu tổn thương bỏng	x
433	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	x
434	Sơ cấp cứu bỏng acid	x
435	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	x
436	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
437	Chẩn đoán và cấp cứu bong đường hô hấp	X
438	Chẩn đoán và cấp cứu bong đường tiêu hóa	X
439	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bong	X
440	Tắm điều trị bệnh nhân bong	X
441	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	X
442	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bong	X
443	Tắm phục hồi chức năng sau bong	X
444	Sử dụng gel silicol điều trị sẹo bong	X
445	Soi ối	X
446	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	X
447	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	X
448	Đỡ đẻ thường ngôi chòm	X
449	Cắt và khâu tầng sinh môn	X
450	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	X
451	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	X
452	Kiểm soát tử cung	X
453	Bóc rau nhân tạo	X
454	Kỹ thuật bấm ối	X
455	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	X
456	Khám thai	X
457	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	X
458	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	X
459	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	X
460	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	X
461	Khâu vòng cổ tử cung	X
462	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	X
463	Chích áp xe tầng sinh môn	X
464	Cắt u thành âm đạo	X
465	Lấy dị vật âm đạo	X
466	Khâu rách cùng đồ âm đạo	X
467	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	X
468	Chích áp xe tuyến Bartholin	X
469	Bóc nang tuyến Bartholin	X
470	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	X
471	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	X
472	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	X
473	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	X
474	Nạo hút thai trứng	X
475	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	X
476	Chọc dò túi cùng Douglas	X

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
477	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x
478	Chích áp xe vú	x
479	Khám nam khoa	x
480	Khám phụ khoa	x
481	Soi cổ tử cung	x
482	Làm thuốc âm đạo	x
483	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	x
484	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	x
485	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	x
486	Ép tim ngoài lồng ngực	x
487	Khám sơ sinh	x
488	Chăm sóc rốn sơ sinh	x
489	Tắm sơ sinh	x
490	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	x
491	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh	x
492	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	x
493	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x
494	Hút thai dưới siêu âm	x
495	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	x
496	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x
497	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x
498	Lấy dị vật hốc mắt	x
499	Lấy dị vật trong củng mạc	x
500	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	x
501	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mí	x
502	Tập nhược thị	x
503	Khâu da mí đơn giản	x
504	Khâu phục hồi bờ mí	x
505	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x
506	Lấy dị vật kết mạc	x
507	Khâu kết mạc	x
508	Lấy calci kết mạc	x
509	Cắt chỉ khâu da mí đơn giản	x
510	Cắt chỉ khâu kết mạc	x
511	Đốt lông xiêu, nhổ lông xiêu	x
512	Bơm rửa lệ đạo	x
513	Chích chắp, lẹo, nang lông mí; chích áp xe mí, kết mạc	x
514	Thay băng vô khuẩn	x
515	Tra thuốc nhỏ mắt	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
516	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	X
517	Rửa cùng đồ	X
518	Cấp cứu bong mắt ban đầu	X
519	Soi đáy mắt trực tiếp	X
520	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	X
521	Khám lâm sàng mắt	X
522	Khâu vết rách vành tai	X
523	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	X
524	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	X
525	Chọc hút dịch vành tai	X
526	Chích nhọt ống tai ngoài	X
527	Làm thuốc tai	X
528	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	X
529	Phương pháp Proetz	X
530	Nhét bắc mũi sau	X
531	Nhét bắc mũi trước	X
532	Cầm máu mũi bằng Merocel	X
533	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	X
534	Rút meche, rút merocel hốc mũi	X
535	Lấy dị vật họng miệng	X
536	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	X
537	Đặt nội khí quản	X
538	Thay canuyn	X
539	Sơ cứu bong đường hô hấp	X
540	Khí dung mũi họng	X
541	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	X
542	Cắt chỉ sau phẫu thuật	X
543	Thay băng vết mổ	X
544	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	X
545	Điều trị viêm quanh răng	X
546	Chích áp xe lợi	X
547	Lấy cao răng	X
548	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	X
549	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay	X
550	Nhỏ chân răng vĩnh viễn	X
551	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	X
552	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp	X
553	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	X
554	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	X
555	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	X

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
556	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	x
557	Hàn răng không sang chấn với Glasslonomer Cement	x
558	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x
559	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x
560	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x
561	Lấy tủy buồng răng sữa	x
562	Điều trị tủy răng sữa	x
563	Nhổ răng sữa	x
564	Nhổ chân răng sữa	x
565	Chích Apxe lợi trẻ em	x
566	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x
567	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x
568	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x
569	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x
570	Nắn sai khớp thái dương hàm	x
571	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	x
572	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x
573	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x
574	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x
575	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại	x
576	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x
577	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x
578	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x
579	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x
580	Điều trị bằng Parafin	x
581	Điều trị bằng xông hơi (tắm hơi)	x
582	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	x
583	Tập các kiểu thở	x
584	Tập ho có trợ giúp	x
585	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x
586	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x
587	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x
588	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x
589	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x
590	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x
591	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x
592	Tập phối hợp hai tay	x
593	Tập phối hợp tay mắt	x
594	Tập phối hợp tay miệng	x
595	Thử cơ bằng tay	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
596	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi trên	x
597	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi dưới	x
598	Siêu âm tuyến giáp	x
599	Siêu âm các tuyến nước bọt	x
600	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x
601	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x
602	Siêu âm tử cung phần phụ	x
603	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x
604	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x
605	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x
606	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x
607	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	x
608	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x
609	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x
610	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x
611	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x
612	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	x
613	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	x
614	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	x
615	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x
616	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x
617	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	x
618	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	x
619	Siêu âm tuyến vú hai bên	x
620	Siêu âm Doppler tuyến vú	x
621	Siêu âm đàn hồi mô vú	x
622	Siêu tinh hoàn hai bên	x
623	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x
624	Siêu âm dương vật	x
625	Siêu âm Doppler dương vật	x
626	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x
627	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x
628	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x
629	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x
630	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x
631	Chụp Xquang Blondeau	x
632	Chụp Xquang Hirtz	x
633	Chụp Xquang hàm chéch một bên	x
634	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x
635	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
636	Chụp Xquang Chausse III	x
637	Chụp Xquang Schuller	x
638	Chụp Xquang Stenvers	x
639	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x
640	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	x
641	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	x
642	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	x
643	Chụp Xquang môm trâm	x
644	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x
645	Chụp Xquang cột sống cổ chéo hai bên	x
646	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x
647	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x
648	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo	x
649	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x
650	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên	x
651	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x
652	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	x
653	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x
654	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x
655	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	x
656	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x
657	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	x
658	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x
659	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	x
660	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x
661	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x
662	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	x
663	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x
664	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x
665	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x
666	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x
667	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x
668	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x
669	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x
670	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	x
671	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x
672	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x
673	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x
674	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x
675	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
676	Chụp Xquang ngực thẳng	x
677	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x
678	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x
679	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x
680	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x
681	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x
682	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x
683	Chụp Xquang tại giường	x
684	Chụp Xquang tại phòng mổ	x
685	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x
686	Nội soi đại tràng sigma	x
687	Soi trực tràng	x
688	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	x
689	Nghiệm pháp dây thắt	x
690	Test dung tích sống gắng sức (FVC)	x
691	Test dung tích sống thở chậm (SVC)	x
692	Thông khí tự ý tối đa (MVV)	x
693	Ghi điện não đồ thông thường	x
694	Đo thính lực đơn âm	x
695	Đo thính lực lời	x
696	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel	x
697	Test thử cảm giác giác mạc	x
698	Test phát hiện khô mắt	x
699	Nghiệm pháp phát hiện glacom	x
700	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	x
701	Đo thị trường chu biên	x
702	Đo sắc giác	x
703	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x
704	Thử kính	x
705	Đo độ lác	x
706	Đo đường kính giác mạc	x
707	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	x
708	Đo thị lực	x
709	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin	x
710	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin	x
711	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	x
712	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	x
713	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
714	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	x
715	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công	x
716	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	x
717	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công	x
718	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	x
719	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	x
720	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	x
721	Nghiệm pháp Protamin sulfat	x
722	Nghiệm pháp Von-Kaulla	x
723	Thời gian tiêu Euglobulin	x
724	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x
725	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x
726	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x
727	Nghiệm pháp dây thắt	x
728	Bán định lượng D-Dimer	x
729	Phát hiện kháng đông nội sinh (Tên khác: Mix test)	x
730	Định lượng FDP	x
731	Bán định lượng FDP	x
732	Đo độ quánh máu toàn phần, huyết tương	x
733	Đo huyết sắc tố niệu	x
734	Sức bền thấm thấu hồng cầu	x
735	Định lượng sắt huyết thanh	x
736	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x
737	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x
738	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x
739	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x
740	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x
741	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x
742	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	x
743	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	x
744	Tìm hồng cầu có chấm ura bazơ	x
745	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x
746	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	x
747	Tìm giun chỉ trong máu	x
748	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x
749	Máu lắng (bằng máy tự động)	x
750	Tìm tế bào Hargraves	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
751	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x
752	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	x
753	Cận Addis	x
754	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công	x
755	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động	x
756	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	x
757	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x
758	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang kế	x
759	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trừ)	x
760	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x
761	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	x
762	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật ống nghiệm)	x
763	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x
764	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x
765	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)	x
766	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x
767	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x
768	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	x
769	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	x
770	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x
771	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x
772	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x
773	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x
774	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	x
775	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x
776	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x
777	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x
778	Xét nghiệm kháng thể kháng dsDNA (ngưng kết latex)	x
779	Xét nghiệm Đường-Ham	x
780	Điện di huyết sắc tố	x
781	DCIP test (Dichlorophenol-Indolphenol test dùng sàng lọc huyết sắc tố E)	x
782	BCB test (Bright Cresyl Blue test dùng sàng lọc huyết sắc tố H)	x
783	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu	x
784	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giemsa soi kính hiển vi	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
785	Rút máu để điều trị	x
786	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	x
787	Định lượng Acid Uric	x
788	Định lượng Albumin	x
789	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x
790	Đo hoạt độ Amylase	x
791	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x
792	Đo hoạt độ AST (GOT)	x
793	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x
794	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x
795	Định lượng Bilirubin toàn phần	x
796	Định lượng Calci toàn phần	x
797	Định lượng Calci ion hóa	x
798	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	x
799	Định lượng Cholesterol toàn phần	x
800	Định lượng C-Peptid	x
801	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	x
802	Định lượng Creatinin	x
803	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x
804	Định lượng Glucose	x
805	Định lượng Globulin	x
806	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	x
807	Định lượng HbA1c	x
808	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x
809	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x
810	Định lượng Phospho	x
811	Định lượng Protein toàn phần	x
812	Định lượng Sắt	x
813	Định lượng Triglycerid	x
814	Định lượng Urê	x
815	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x
816	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x
817	Định lượng Amphetamine	x
818	Đo hoạt độ Amylase	x
819	Định lượng Axit Uric	x
820	Định tính beta hCG (test nhanh)	x
821	Định lượng Canxi	x
822	Định lượng Creatinin	x
823	Định lượng Dưỡng chấp	x
824	Định tính Dưỡng chấp	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phức Thịnh
825	Định lượng Glucose	x
826	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x
827	Định tính Opiate (test nhanh)	x
828	Định tính Morphin (test nhanh)	x
829	Định tính Codein (test nhanh)	x
830	Định tính Heroin (test nhanh)	x
831	Định lượng Phospho	x
832	Định tính Phospho hữu cơ	x
833	Định tính Porphyrin	x
834	Định lượng Protein	x
835	Định tính Protein Bence -jones	x
836	Định lượng Ure	x
837	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	x
838	Định lượng Clo	x
839	Định lượng Glucose	x
840	Phản ứng Pandy	x
841	Định lượng Protein	x
842	Định lượng Bilirubin toàn phần	x
843	Định lượng Cholesterol toàn phần	x
844	Định lượng Creatinin	x
845	Định lượng Glucose	x
846	Định lượng Protein	x
847	Phản ứng Rivalta	x
848	Định lượng Triglycerid	x
849	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	x
850	Định lượng Ure	x
851	Vi khuẩn nhuộm soi	x
852	Vi khuẩn test nhanh	x
853	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x
854	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	x
855	Vi hệ đường ruột	x
856	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	x
857	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux	x
858	<i>Mycobacterium leprae</i> nhuộm soi	x
859	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi	x
860	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi	x
861	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	x
862	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi	x
863	<i>Chlamydia</i> test nhanh	x
864	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
865	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh	x
866	<i>Leptospira</i> test nhanh	x
867	<i>Mycoplasma hominis</i> test nhanh	x
868	<i>Streptococcus pyogenes</i> ASO	x
869	<i>Treponema pallidum</i> soi tươi	x
870	<i>Treponema pallidum</i> nhuộm soi	x
871	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	x
872	<i>Ureaplasma urealyticum</i> test nhanh	x
873	Virus test nhanh	x
874	HBsAg test nhanh	x
875	HBsAg miễn dịch bán tự động	x
876	HBsAb test nhanh	x
877	HBsAb miễn dịch bán tự động	x
878	HBc IgM miễn dịch bán tự động	x
879	HBcAb test nhanh	x
880	HBc total miễn dịch bán tự động	x
881	HBeAg test nhanh	x
882	HBeAg miễn dịch bán tự động	x
883	HBeAb test nhanh	x
884	HBeAb miễn dịch bán tự động	x
885	HCV Ab test nhanh	x
886	HCV Ab miễn dịch bán tự động	x
887	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	x
888	HAV Ab test nhanh	x
889	HAV IgM miễn dịch bán tự động	x
890	HAV total miễn dịch bán tự động	x
891	HDV Ag miễn dịch bán tự động	x
892	HDV IgM miễn dịch bán tự động	x
893	HEV Ab test nhanh	x
894	HEV IgM test nhanh	x
895	HEV IgM miễn dịch bán tự động	x
896	HEV IgG miễn dịch bán tự động	x
897	HIV Ab test nhanh	x
898	HIV Ag/Ab test nhanh	x
899	HIV Ab miễn dịch bán tự động	x
900	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	x
901	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x
902	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x
903	Dengue virus IgA test nhanh	x
904	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
905	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x
906	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	x
907	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	x
908	CMV IgM miễn dịch bán tự động	x
909	CMV IgG miễn dịch bán tự động	x
910	HSV 1 IgM miễn dịch bán tự động	x
911	HSV 1 IgG miễn dịch bán tự động	x
912	HSV 2 IgM miễn dịch bán tự động	x
913	HSV 2 IgG miễn dịch bán tự động	x
914	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động	x
915	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động	x
916	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động	x
917	EBV-VCA IgG miễn dịch bán tự động	x
918	EV71 IgM/IgG test nhanh	x
919	Influenza virus A, B test nhanh	x
920	JEV IgM miễn dịch bán tự động	x
921	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động	x
922	Rotavirus test nhanh	x
923	Rotavirus Ag miễn dịch bán tự động	x
924	RSV Ab miễn dịch bán tự động	x
925	Rubella virus Ab test nhanh	x
926	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động	x
927	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động	x
928	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x
929	Hồng cầu trong phân test nhanh	x
930	Đơn bào đường ruột soi tươi	x
931	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x
932	Trứng giun, sán soi tươi	x
933	Trứng giun soi tập trung	x
934	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x
935	<i>Cryptosporidium</i> test nhanh	x
936	<i>Filaria</i> (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	x
937	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x
938	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x
939	<i>Demodex</i> soi tươi	x
940	<i>Demodex</i> nhuộm soi	x
941	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi	x
942	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) nhuộm soi	x
943	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) soi tươi	x
944	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) nhuộm soi	x

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PKĐK Phúc Thịnh
945	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi	x
946	<i>Trichomonas vaginalis</i> nhuộm soi	x
947	Vi nấm soi tươi	x
948	Vi nấm test nhanh	x
949	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí	x
950	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	x
951	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	x
952	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	x
953	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt	x
954	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước thải	x
955	Vi khuẩn kháng thuốc - Phát hiện người mang	x
956	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm	x
957	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x
958	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x
959	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	x
960	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	x
961	Chọc hút kim nhỏ các hạch	x
962	Nhuộm Giemsa	x
963	Nhuộm May Grunwald – Giemsa	x
964	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	x
TỔNG CỘNG		964

